TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 23 – 01 – 2024.
"V/v ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Quang Liêm.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Đạo, kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích T, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Số 45/75 đường LTN, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

Bị đơn: Anh Phạm Thanh H, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn M, xã VT, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Lê Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích T và anh Phạm Thanh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012. Được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/11/2012. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà riêng của chị T tại đường LTN, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 (chín) năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, vợ chồngkhông có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Từ tháng 3/2021, anh H đã về quê ở thôn M, xã VT, huyện TK, tỉnh Hải Dương, vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không thể hàn gắn được nữa. Nay, chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 (một) con chung là Phạm Lê Trung H1, sinh ngày 26/02/2005, hiện nay cháu H1 đã trưởng thành, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh Phạm Thanh H đến Toà làm việc nhưng anh H vắng mặt, đồng thời anh H cũng không có văn bản ghi ý kiến thể hiện quan điểm của anh đối với yêu cầu của chị T.

Kết quả làm việc với đại diện UBND xã và các đoàn thể xã VT, trưởng thôn M đều cung cấp: Anh Phạm Thanh H và chị Lê Thị Bích T kết hôn vào năm 2012. Sau khi kết hôn, anh, chị sống tại thành phố H, thỉnh thoảng nhà có đám tiệc mới về quê nhà anh H tại xã VT, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Ở cơ sở nắm bắt được là do vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung nên anh H đã về sống và làm việc ở tại địa phương và vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: chị T và anh H có 01 con chung tên Phạm Lê Trung H1, sinh ngày 26/01/2005, hiện nay cháu H1 đã trưởng thành.

Kết quả làm việc với đại diện UBND xã và các đoàn thể phường P, Trưởng Khu dân cư số Y, thể hiện: Chị T và anh H kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào năm 2012. Sau khi kết hôn, chị T và anh H sống tại thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể ở Khu không nắm được, chỉ biết là cách đây vài năm, anh H đã về sống tại quê nhà thuộc xã VT, huyện TK, tỉnh Hải Dương, không còn chung sống với chị T cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh H, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh H có 01 con chung tên Phạm Lê Trung H1, sinh ngày 26/01/2005, hiện nay cháu H1 đã trưởng thành.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H; Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Thanh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích T và anh Phạm Thanh H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/11/2012 nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ vào lời trình bày của chị Thủy, biên bản xác minh tại địa phương nơi chị T và anh H chung sống và địa phương nơi anh H hiện tại đang sinh sống thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống, không có tiếng nói chung; anh H đã về sống tại quê nhà ở xã VT, huyện TK, tỉnh Hải Dương từ năm 2021 và vợ chồng đã sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Đối với anh H, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập nhưng anh H không đến Tòa án để làm việc cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị T. Qua đó, cho thấy anh H biết việc chị T yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh không quan tâm, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và không mong muốn đoàn tụ tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình cùng với chị T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Bích T và anh Phạm Thanh H có 01 con chung tên Phạm Lê Trung H1, sinh ngày 26/01/2005, hiện nay cháu H1 đã trưởng thành. Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Bích T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Phạm Thanh H1.

[2] Về án phí: Chị Lê Thị Bích T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, theo biên lai số: AA/2022/0000112 ngày 04 tháng 10 năm 2023.

[3] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Bích T và anh Phạm Thanh H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND P. P1, TP. H1;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mỹ Như